

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2023/DS-PT

Ngày: 31/3/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và hợp
đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Tấn Bảo
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 và ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 240/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 293/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1939;

Địa chỉ: C20, khu Lê Thị R, đường T, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 44/5A L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Nguyên đơn ông H yêu cầu ông T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 840413 vào sổ cấp GCN số CS 00155 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp vào ngày 24/2/2017, cập nhật đăng ký biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409.CN006 và phía ông H đồng ý trả 100.000.000 đồng đã mượn của ông T, thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất đã bán cho ông T theo đo đạc thực tế là 379,2 m², tuy nhiên ông T phải chừa lối đi ngang 03 mét cho ông H trên đất của ông T mua để ông H đi ra đường công cộng, ông H đồng ý hoàn lại giá trị đất lối đi cho ông T.

- Bị đơn ông Võ Văn T và người đại diện ủy quyền ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Ông T xác định đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017, cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409.CN006 và có cho ông H mượn 100.000.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị ông H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Võ Văn T đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 379,2 m² thuộc một phần thửa đất 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409.CN006. Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng ông T sẽ trả bản chính giấy chứng nhận lại cho ông H vì ông H sau khi bán đất cho ông T vẫn còn lại một phần đất trong giấy chứng nhận và buộc ông H trả tiền mượn 100.000.000 đồng và lãi theo quy định. Thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Sau đó bị đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi. Bị đơn không đồng ý chừa lối đi ngang 03 mét cho ông H trên đất của ông T mua vì ông H vẫn đang có lối đi ra đường công cộng.

* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 240/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 129, 279, 280, 357, 463, 466, 500, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn H.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn T.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi của bị đơn ông Võ Văn T.

3. Buộc ông Võ Văn T có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Đỗ Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409.CN006 khi ông H và ông T hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất diện tích 379,2m² tại Vĩnh Thới, xã V , huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông T. Buộc ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất diện tích 379,2m² là 01 phần của thửa đất 142 tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã V , huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409.CN006 cho ông Võ Văn T. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký thông tin thửa đất cho phù hợp thực tế sử dụng. Phần đất 379,2 m² có tứ cận là: Đông giáp đất ông Nguyễn Văn B, Võ Văn T; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn B; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất ông Đỗ Văn H (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo).

Buộc ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn T số tiền 100.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn ông Đỗ Văn H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Văn T chừa lại một phần đất có chiều ngang 03 mét trên phần đất chuyển nhượng có diện tích 680m² (ngang 17m x dài 40m) giáp với lộ công cộng. Nguyên đơn đồng ý trả lại giá trị đất cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Võ Văn T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 840413 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/2/2017; Ông H đồng ý trả 100.000.000 đồng tiền mượn của ông T; Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất cho ông T theo đo đạc thực tế là 379,2 m², tuy nhiên ông T phải chừa lối đi ngang 03 mét cho ông H trên đất của ông T mua để ông H đi ra đường công cộng, ông H đồng ý hoàn lại giá trị đất lối đi cho ông T. Phía bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu

ông H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 379,2 m² thuộc một phần thửa đất 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017; yêu cầu ông H trả tiền mượn 100.000.000 đồng.

- Người kháng cáo ông Đỗ Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H với ông T là chưa phù hợp pháp luật. Bởi lẽ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H và ông T là không khả thi do không đủ điều kiện tách thửa nên vô hiệu. Do đó kháng cáo của ông Đỗ Văn H là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 240/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 840413 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017; Ông H đồng ý trả 100.000.000 đồng tiền mượn của ông T; Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất cho ông T theo đo đạc thực tế là 379,2 m², tuy nhiên ông T phải chừa lối đi ngang 03 mét cho ông H trên đất của ông T mua để ông H đi ra đường công cộng, ông H đồng ý hoàn lại giá trị đất lối đi cho ông T. Phía bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu ông H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 379,2 m² thuộc một phần thửa đất 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 do Sở tài nguyên và môi

trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017; yêu cầu ông H trả tiền mượn 100.000.000 đồng. Xét ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 840413 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 và yêu cầu ông T phải chừa lối đi ngang 03 mét cho ông H trên đất của ông T nhận chuyển nhượng để ông H đi ra đường công cộng thực chất là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa hai bên về diện tích chuyển nhượng (không đồng ý bán phần diện tích ngang 03 mét) và hậu quả của hợp đồng (trả giấy sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong), nên xác định quan hệ tranh chấp chỉ là “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn H với bị đơn ông Võ Văn T là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn H là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn H Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo: ông H không đồng ý chuyển nhượng cho ông T phần diện tích ngang 03 mét, dài hết đất nằm trong phần diện tích 379,2 m² (thuộc một phần thửa đất 142, tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang) mà hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng vào ngày 18/10/2019.

+ Lý do ông H giữ lại phần đất này không bán là để làm lối đi vào phần đất còn lại ở phía trong của ông không có lối đi ra đường.

+ Phía ông T không đồng ý vì cho rằng phần đất còn lại phía trong của ông H còn có lối đi khác để ra đường và việc thỏa thuận mua bán đã hoàn tất. Ông đã nhận đất còn ông H cũng đã nhận đủ tiền.

[4.2] Nhận xét đánh giá Th có căn cứ của ý kiến các bên:

- Theo nguyên đơn khai nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông và ông T không được cơ quan có thẩm quyền (chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ) chấp nhận vì người bán còn một phần diện tích ở phía trong nhưng không có chừa đường đi ra lộ công cộng sau này sẽ phát sinh tranh chấp (BL 82).

- Theo sơ đồ thẩm định xem xét tại CH thì phần còn lại của thửa 142 của ông H nằm ở phía trong phần đã bán mà không thấy thể hiện có lối đi nào khác để ra lộ công cộng.

- Tại đơn phản tố ngày 02/02/2021, ông T cũng xác định tứ cận diện tích mua của ông H như sau: Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Bé, Võ Văn T; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Bé; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp phần còn lại của ông Đỗ

Văn H ở phía trong (BL 33) cũng thể hiện phần diện tích còn lại của ông H không có lối đi ra đường.

- Tại công văn số 142/CV-CNVPĐK-TTLT ngày 07/3/2023 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện C thì trường hợp chuyển nhượng QSDĐ của ông Đỗ Văn H và ông Võ Văn T không được phép tách bộ sang tên vì không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Theo quy định pháp luật thì thời điểm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ có hiệu lực kể từ “khi đăng ký sang tên tại văn phòng đăng ký đất đai hoặc tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai”. Như vậy, đối chiếu với hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H và ông T vẫn chưa phát sinh hiệu lực (điểm a khoản 3 Điều 167 và khoản 3 điều 188 Luật đất đai). Hai bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc thay đổi diện tích chuyển nhượng cho phù hợp quy định về tách thửa nên hợp đồng trên là vô hiệu và không do lỗi của các bên. Hợp đồng vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định.

* Từ các căn cứ trên nhận thấy: cấp sơ thẩm tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Đỗ Văn H với ông Võ Văn T là chưa phù hợp pháp luật. Kháng cáo của ông Đỗ Văn H là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Đỗ Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 123, 129, 131, 280, 357, 463, 466, 500, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 240/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

Buộc ông Võ Văn T có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Đỗ Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi

trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409. CN006 khi án có hiệu lực.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn T.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H và ông Võ Văn T là vô hiệu. Buộc ông T giao trả cho ông H phần đất diện tích 379,2 m² là 01 phần của thửa đất 142 tờ bản đồ số 08, diện tích 1194,2m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH840413 vào sổ cấp GCN số CS00155 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/02/2017 cập nhật biến động ngày 23/9/2019 theo hồ sơ số 001409. CN006. Ông H phải trả lại ông T 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phần đất trả có tứ cận là: Đông giáp đất ông Nguyễn Văn B, Võ Văn T; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn B; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất ông Đỗ Văn H (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo).

- Buộc ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn T số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi của bị đơn ông Võ Văn T.

5. Về án phí:

- Ông Đỗ Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm và sơ thẩm.

- Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003929 ngày 04/02/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông T nộp xong án phí sơ thẩm. Hoàn lại ông Võ Văn T 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003928 ngày 04/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân